

Bản án số:05/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 16/01/2025

V/v: "Ly hôn, yêu cầu công sức"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Bà Phạm Thị Mai Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, thụ lý số 38/2024/HNGĐ - PT ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXPT - HNGĐ ngày 25/12/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Đức Đ**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Do có kháng cáo của ông Vũ Đức Đ - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ - ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

* Nguyên đơn ông Vũ Đức Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị D được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 27/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn, ông và bà D về

chung sống với nhau tại gia đình ông ở thôn N, xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng tháng 06/2015 bà D bỏ về nhà ở xã B sinh sống. Ông có động viên bà D về tiếp tục chung sống với ông nhưng bà D không đồng ý, tuy nhiên bà D vẫn đến thăm ông. Đến nay, ông bà đã ly thân được 09 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên ông quyết định làm đơn xin ly hôn bà D.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Ông Đ xác định có 03 con riêng là Vũ Hải H, sinh năm 1980; Vũ Hồng N, sinh năm 1983; Vũ Như M, sinh năm 1986 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có gia đình riêng ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên ông Đ không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông và bà D không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Vũ Đức Đ được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 27/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn, bà và ông Đ về chung sống với nhau tại gia đình ông Đ ở thôn N, xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 05/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ không giữ lời hứa sẽ lo cho mẹ con bà nên bà không sống chung với ông Đ nữa. Bà quyết định trở về nhà ở thôn L, xã B sinh sống cho đến nay. Mặc dù vợ chồng sống ly thân nhưng bà vẫn qua lại, quan tâm đến ông Đ. Bà có bảo ông Đ đi lấy vợ nhưng ông Đ nói vẫn chung thủy với bà. Tuy nhiên có một lần bà đã thấy ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà không đến nhà ông Đ nữa. Nay ông Đ làm đơn ly hôn, bản thân bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung nên bà không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Bà có 01 người con riêng là Nguyễn Văn D1, sinh năm 1997, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung, nợ chung nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Bà xác định trong quá trình chung sống với ông Đ, bà có đóng góp công sức vào khối tài sản vườn, ao của gia đình ông Đ nên bà yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho bà giá trị phần công sức tính theo ngày công lao động là: 310.000đ/ngày x 24 ngày x 7 tháng = 52.080.000đồng.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ- ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Đức Đ và bà Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Không phải giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ, bà D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về công sức: Ông Vũ Đức Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền công sức là 15.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Đ có đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền công sức đóng góp cho bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa, ông Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà D có quan điểm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự cho thấy quá trình chung sống với ông Đ, bà D đã có công sức trong việc duy trì, phát triển khối tài sản của ông Đ. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Đ phải trả cho bà D 15.000.000 đồng tiền công sức là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ kháng cáo

trong thời hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ. Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Xét kháng cáo của ông Vũ Đức Đ, Hội đồng xét xử thấy: Ông Đ, bà D là vợ chồng, hai bên có thời gian chung sống cùng nhau tại gia đình ông Đ. Trong thời gian sống chung ông Đ xác định bà D có công giúp ông Đ tu bổ 1 đoạn bờ ao bị sạt lở khoảng 5-7m; Có công san lấp, đổ đất màu vào vườn diện tích khoảng 100m² từ vườn trũng, đất chua không trồng được cây thành vườn và trồng được cây cối trên đất. Trong thời gian ông bà sống ly thân hàng năm bà D đều giúp ông Đ thu hoạch cá. Ngoài ra bà D còn có công sức xây dựng tường bao, nhà ba banh hiện (đã bị đổ và bị tháo dỡ) và xây đoạn gian thờ của nhà chính. Như vậy, mặc dù thời gian chung sống của bà D với ông Đ không nhiều nhưng cả hai bên đều xác định bà D có công sức đóng góp trong việc lao động, sản xuất, góp phần tạo dựng tài sản cho ông Đ, nên cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải trả tiền công sức cho bà D với số tiền 15.000.000đồng là phù hợp và có căn cứ.

Do vậy kháng cáo của ông Đ không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Đ là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đức Đ. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2024/HNGĐ- ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương về về công sức như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về công sức: Ông Vũ Đức Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D tiền công sức là 15.000.000đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên mà bên có nghĩa vụ chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Vũ Đức Đ không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Bình Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền